



yān wù

烟雾

noun · smoke / mist

Example Sentences

chú fáng lǐ chōng mǎn le chǎo cài de yān wù
厨房里充满了炒菜的烟雾。

The kitchen was filled with smoke from stir-frying.

chéng shì shàng kōng lǒng zhào zhe hòu hòu de yān wù
城市上空笼罩着厚厚的烟雾。

A thick haze hung over the city.

Trace each character, then write the word on your own.

烟	烟	烟	烟	烟	烟	烟	烟	烟	烟	烟
烟	烟									
雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾
雾	雾	雾	雾	雾						